TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HBT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/9/2018.
"V/v tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HBT,
TỈNH BÌNH THUẬN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ung Thanh Quang
Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Trần Thị Kim Trang
2.Ông T Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Thư ký Toà án nhân dân huyện HBT, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 14 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HBT, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2018/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn**"**; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 20/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2018/QĐST-DS ngày 17/8/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Trần Thị P – Sinh năm 1975 (Có mặt)

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố PT, thị trấn PL, huyện HBT, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2018 cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn T cưới nhau vào năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn PL, huyện HBT, tỉnh Bình Thuận. Việc cưới nhau là do hai bên tự nguyện, tự tìm hiểu trong khoảng thời gian 03 tháng. Sau khi cưới vợ chồng sống ở nhà trọ tại thị trấn PL, huyện HBT, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T ham mê cờ bạc, có vợ bé bên ngoài rồi về nhà kiếm chuyện gây gỗ đánh đập chị nhiều lần. Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc và không thể kéo dài, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa và nguyện vọng là yêu cầu xin được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Về con: Vợ chồng chưa có con, về nợ và tài sản không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt nên không có lời khai trình bày***.**

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà anh Nguyễn Văn T để tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng anh T

không đến Tòa án huyện để cung cấp tài liệu chứng cứ gì nhằm bảo vệ quyền lợi của anh nên Tòa không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như lập biên bản về việc tiếp nhận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định: Sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn T không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa, anh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng anh không đến Tòa, chứng tỏ anh đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng, không thực hiện nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn T.

1.Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2018 đã ghi quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp về ly hôn", qua thẩm tra tài liệu chứng cứ và các đương sự xác định yêu cầu của mình tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây là "Tranh chấp về ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thị trấn PL, huyện HBT, tỉnh Bình Thuận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân huyện HBT có thẩm quyền giải quyết.

2. Về yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử phân tích như sau: Theo lời khai của chị Trần Thị P thì chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn PL, huyện HBT, tỉnh Bình Thuận nên là hôn nhân hợp pháp. Chị P khai nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không lo cho gia đình mà ham chơi cờ bạc, có vợ bé ở ngoài rồi về đánh đập chị. Xuất phát từ nguyên nhân nêu trên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình trạng hôn nhân của chị P và anh T rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P.

3. Về con chung: vợ chồng chưa có con chung.

4. Về tài sản và nợ: Chị Trần Thị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

5.Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị P là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238***;*** Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.Tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Trần Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

3.Về án phí, lệ phí: Chị Trần Thị P là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chị P đã nộp đủ 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0015031 ngày 21/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HBT, tỉnh Bình Thuận nên không phải nộp nữa.

Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

4.Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Bình Thuận**;**
-VKSND huyện HBT;
-Chi cục THADS huyện HBT;
-Các đương sự;
-Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ung Thanh Quang